

Số: /BC-PGDĐT

Thủ Thừa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Sơ kết học kỳ I năm học 2020-2021**

**PHẦN I**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC KỲ I**

Thực hiện Công văn số 4107//SGDĐT-HCQT ngày 24/12/2020 của Sở GD&ĐT Long An về việc báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2020-2021. Trên cơ sở quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học; Phòng Giáo dục và Đào tạo Thủ Thừa báo cáo sơ kết học kỳ I, năm học 2020-2021, cụ thể như sau:

**I. Kết quả thực hiện 9 nhiệm vụ**

**1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo.**

a) Những việc làm được

- Thực hiện ổn định mạng lưới các trường công lập hiện có ở các cấp học, lập đề án quy hoạch tổng thể mạng lưới trường học trên địa bàn huyện Thủ Thừa giai đoạn 2019-2025 định hướng đến năm 2035;

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp Hội Khuyến học các cấp trong huyện thường xuyên củng cố và nâng cao hoạt động tại các Trung tâm Văn hóa- Thể thao và Học tập cộng đồng tại 13/13 xã, thị trấn trong huyện. Các Trung tâm VH TT&HTCĐ thành lập theo đề nghị của UBND cấp xã trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao với Trung tâm Học tập cộng đồng ở xã và được tổ chức, hoạt động theo đúng Quy chế đã ban hành<sup>(1)</sup>

b) Hạn chế

- Mạng lưới trường lớp, qui mô phát triển giáo dục chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ thực tế.

- Ở địa phương (xã Nhị Thành) có các khu, cụm công nghiệp phát triển, tỷ lệ trẻ tăng cơ học ngày càng nhiều và không ổn định đã ảnh hưởng đến việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của con em công nhân và người lao động.

- Bậc học MN-MG còn tổ chức lớp ghép: 19 nhóm lớp ghép (*ghép 02 độ tuổi: công lập 10 lớp, tư thục 8 lớp; ghép 3 độ tuổi còn 01 lớp tư thục*).

**2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp**

a) Những việc làm được

- Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung

---

<sup>1</sup> Toàn huyện có 13/13 xã, thị trấn có trung tâm VH TT&HTCĐ. Các trung tâm đã làm tốt công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, cập nhật, phổ biến kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu người học; chuyển giao công nghệ theo các chuyên đề khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chính trị - thời sự, pháp luật, kinh tế, kỹ thuật, y tế... phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương. Có 03 cơ sở dạy NN-TH trên địa bàn (Trung tâm ngoại ngữ Anh Việt, cơ sở ngoại ngữ Tú Anh, cơ sở hoa văn Minh Trí)

ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng: ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

- Thực hiện nghiêm Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo và Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

- Cơ cấu trình độ giáo viên: Đội ngũ giáo viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn khá cao (GV Mầm non đạt chuẩn trình độ chuyên môn 204/204 tỷ lệ 100%, trên chuẩn (ĐH, CĐ): 159/204 đạt tỷ lệ 77,9%. GV Tiểu học đạt chuẩn trình độ chuyên môn 360/360 tỷ lệ 100%, trên chuẩn (ĐH, CĐ): 332/360 đạt tỷ lệ 92,2% . GV THCS đạt chuẩn trình độ chuyên môn 269/269 tỷ lệ 100%, trên chuẩn (ĐH): 191/269 đạt tỷ lệ 71% ).

Công tác tự học, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên: Cán bộ quản lý và giáo viên tự học bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ. Tổ chức thao giảng, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới để giáo viên trao đổi, rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau. Học kì I đã tổ chức được các chuyên đề: Chuyên đề về đổi mới phương pháp ở Tiểu học Mỹ Lạc và đánh giá nhận xét học sinh theo Thông tư 22 ở trường Tiểu học Thị Trấn.

#### b) Hạn chế

Sắp xếp, bố trí CBQL trường học đối với các đơn vị khuyết hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở học kỳ I còn chậm.

**3. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông; triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên, bảo đảm an toàn trường học.**

#### 3.1. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông

##### a) Những việc làm được

\* Đối với dự mục mầm non: 100% đơn vị tổ chức tập huấn 04 chuyên đề Bồi dưỡng thường xuyên cho toàn thể cán bộ quản lý và giáo viên trong ngành, đã hoàn thành trong tháng 12/2020; Các đơn vị chủ động bồi dưỡng giáo viên về đổi mới phương pháp, kỹ năng nghề nghiệp, đổi mới nội dung, hình thức bồi dưỡng, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn thông qua thao giảng, kiểm tra dự giờ, tự bồi dưỡng tại trường giúp giáo viên có đủ năng lực, chủ động, sáng tạo lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp.

Các đơn vị sắp xếp bố trí phân công giáo viên phù hợp với điều kiện và năng lực từng cá nhân nhằm ổn định việc dạy và tổ chức hoạt động học cho các cháu.

Giáo viên thực hiện đúng theo chương trình GDMN của từng độ tuổi, có sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trẻ mạnh dạn, tự tin, chủ động, nhanh nhẹn hơn trong giao tiếp, tìm tòi khám phá, tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục. Học tập, vui chơi.

100% các đơn vị thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp các chuyên đề, chú trọng vào chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục lễ giáo, giáo dục kỹ năng sống,...  
100% trẻ được giáo dục các nội dung chuyên đề

\* Đối với giáo dục phổ thông: Tổ chức đầy đủ các đợt tập huấn các chuyên đề; Chất lượng nội dung tập huấn, bồi dưỡng cơ bản đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả giúp cho CBQL, giáo viên thêm kiến thức, kỹ năng trong quá trình quản lý, giảng dạy đảm bảo yêu cầu mục tiêu giáo dục đề ra.

Qua việc tập huấn bồi dưỡng giáo viên tổ chức áp dụng vào giảng dạy trong nhà trường, mang lại hiệu quả khá tốt đối với học sinh (học sinh tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và hứng thú trong học tập).

Giáo dục tiểu học: Chất lượng giáo dục cuối kì I ở mức khá, tỉ lệ học sinh hoàn thành môn Toán, Tiếng Việt trên 98,5%; tỉ lệ học sinh đạt về năng lực, phẩm chất trên 99%.

Giáo dục THCS:

- Số học sinh có hạnh kiểm loại tốt đạt tỉ lệ: 82,39%, loại khá đạt tỷ lệ: 14,69%; TB : 2,64 %, yếu : 0,28%.

- Số học sinh được xếp loại học lực: loại giỏi đạt tỉ lệ: 34,93%, loại khá đạt tỷ lệ: 28,23%; TB : 24,12 %, yếu : 10,54%, kém 2,18%.

b) Hạn chế

Còn một số trường chưa thật sự quan tâm đầu tư nhiều về việc thực hiện chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (kể cả các trường thực hiện điểm), chưa chú ý xây dựng môi trường bên trong và ngoài lớp học, còn ngại trong việc tổ chức cho cháu chơi tất cả các khu vực trong lớp, hành lang...chưa tận dụng diện tích các khu vực ngoài lớp cho trẻ hoạt động một cách tự do thoải mái.

3.2. Triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

a) Những việc làm được

- Tổ chức quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đến tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh của nhà trường;

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, thảo luận kỹ nội dung Chương trình giáo dục phổ thông (Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo)...

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức chỉ đạo giáo viên tiểu học, THCS tham gia tập huấn sử dụng sách giáo khoa mới cho tất cả cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên dạy lớp 1, lớp 6; đồng thời triển khai bồi dưỡng Module 01 thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên dạy lớp 1, lớp 6 năm học 2020-2021<sup>2</sup>

b) Hạn chế

<sup>2</sup> Gồm có 256/256 giáo viên dạy lớp 1 tham gia bồi dưỡng, kết quả 256/256 giáo viên hoàn thành, đạt tỉ lệ 100%; THCS có 225/225 CB, GV tham gia, đạt 100%.

Đội ngũ giáo viên còn chưa đồng bộ về cơ cấu, khi triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông có một số môn học mới. Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học của một bộ phận giáo viên còn yếu; việc tiếp cận thông tin của giáo viên vùng khó khăn còn hạn chế.

### 3.3. Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS

#### a) Những việc làm được

Thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9; Công tác giáo dục hướng nghiệp; dạy nghề phổ thông và nghề truyền thống của địa phương: các trường có thực hiện đổi mới sinh hoạt hướng nghiệp trong học sinh, giới thiệu các ngành nghề phù hợp địa phương, gắn với sản xuất của địa phương... Giúp học sinh trải nghiệm cuộc sống thông qua các hoạt động sản xuất, tham quan cơ sở sản xuất, tham quan môi trường kinh doanh.

Công tác phân luồng học sinh sau THCS được chú trọng. Đầu năm học, Phòng Giáo dục Đào tạo thống nhất với chính quyền địa phương trong công tác tuyển sinh đầu cấp, giao cụ thể chỉ tiêu của từng trường, từng trung tâm trên từng địa bàn. Tổ chức tư vấn phân luồng học sinh sau TN THCS.

Tổ chức cho học sinh lớp 9 học hướng nghiệp 01 tiết/ tháng. Thông qua tiết dạy giáo dục hướng nghiệp tại trường với HS khối 9, GVCN giáo dục HS nhận thức về việc chọn nghề có cơ sở khoa học, phù hợp với sở thích và nhu cầu của xã hội. Giới thiệu những ngành nghề phù hợp với trình độ của HS góp phần phân luồng HS sau TNTHCS.

#### b) Hạn chế

Việc phối hợp giữa các trường phổ thông với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trong việc hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh THCS, THPT chưa thực sự hiệu quả.

3.4. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học.

#### a) Những việc làm được

Phòng giáo dục đã xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hiện năm học 2020-2021 trong đó lồng ghép chỉ đạo về việc thực hiện mô hình “giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh”.

Có 12/12 trường tiểu học và 01 trường TH&THCS Tân Thành thực hiện mô hình với 7009/7009 học sinh tham gia.

Qua việc thực hiện mô hình đã góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, kỹ năng sống cho học sinh. Đa số học sinh như thực hiện tốt nội quy nhà trường, kỷ cương nề nếp trong các hoạt động giáo dục ở nhà trường được duy trì; học sinh có ý thức và tham gia khá tốt các hoạt động tập thể nhằm rèn kỹ năng sống; các em học sinh biết lễ phép với người lớn tuổi trong, hòa nhã với bạn; có kỹ năng lao động tự phục vụ các công việc phù hợp trong học tập và sinh hoạt ở trường; có kỹ năng hợp tác trong các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm cùng các bạn; đa số thực hiện tốt các qui định về ATGT, phòng tránh tai nạn thương tích và đuối nước. Không có tai nạn giao thông, bạo lực trong và ngoài nhà trường.

Giáo viên thực hiện tốt việc tích hợp giáo dục đạo đức gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào các tiết dạy có liên quan. Đa số học sinh đều đăng ký mua Tài liệu Bác Hồ để tham gia học tập và làm theo Bác; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển, đảo; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các môn học, tiết học có liên quan, giúp học sinh nhận thức tốt hơn và có ý thức tốt trong việc giữ gìn vệ sinh trường lớp, cảnh quan môi trường, tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt ở trường và gia đình.

Tình trạng bạo lực học đường và các hiện tượng tiêu cực khác trong ngành nhìn chung không xảy ra.

#### b) Hạn chế

Công tác phối hợp giữa ba môi trường giáo dục Nhà trường- Gia đình- Xã hội chưa được thực hiện thường xuyên.

### **4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**

#### a) Những việc làm được

- *Giảng dạy Tiếng Anh 1,2 giáo trình Phonics.*

Trong năm học 2020-2021 có các trường Tiểu học Mỹ Thạnh, TH&THCS Tân Thành, Tiểu học Thị trấn, Tiểu học Long Thuận và Tiểu học Mỹ Phú thực hiện chương trình tiếng Anh Phonics 1, 2. Việc giảng dạy tiếng Anh Phonics 1, 2 đã thực sự khẳng định ưu thế phát triển khả năng ngoại ngữ của học sinh từ rất sớm, giúp học sinh phát âm chuẩn và chính xác, tạo thói quen tốt khi sử dụng ngoại ngữ trong các năm học sau. Chất lượng giảng dạy Phonics 1, 2 khá tốt, số học sinh hoàn thành chương trình môn học cuối năm cao.

- *Giảng dạy tiếng Anh 3,4,5 giáo trình Bộ GD&ĐT*

Tổ chức thực hiện dạy học Tiếng Anh trong năm học 2020-2021 có 9 trường thực hiện 4 tiết/ tuần, 8 trường thực hiện 2 tiết/ tuần (trong đó có trường vừa thực hiện 4 tiết/tuần vừa thực hiện 2 tiết/tuần do không đủ giáo viên tiếng Anh).

Phòng giáo dục và Đào tạo đã tạo điều kiện cho giáo viên chưa đạt chuẩn (B2) khung năng lực tiếng Anh được bồi dưỡng về phương pháp dạy tiếng Anh tiểu học để đạt Chuẩn theo qui định (Giáo viên dạy tiếng Anh đã có chứng chỉ B2), có 100% giáo viên trình độ B2.

Các trường sử dụng có hiệu quả thiết bị phòng dạy học Ngoại ngữ của nhà trường (phòng Lab) để giảng dạy và rèn luyện kỹ năng môn học cho học sinh. Đồng thời thường xuyên bảo trì, bổ sung trang thiết bị để tổ chức tốt việc dạy và học Ngoại ngữ.

Việc thực hiện chương trình Tiếng Anh Thí điểm đối với bậc THCS: toàn huyện có 6/9 trường thực hiện (So với cùng kỳ năm trước tăng 01 trường). Hiện còn 3 đơn vị chưa thực hiện (THCS Nhị Thành, THCS Long Thạnh, TH&THCS Tân Thành)

Thiết bị dạy học ngoại ngữ từng bước đáp ứng nhu cầu thiết bị về tương tác, băng đĩa, cassette, ti vi, phòng đa phương tiện, và các thiết bị khác. Hiện tại, cấp tiểu học đã đáp ứng được 80% nhu cầu, cấp THCS đáp ứng 90% nhu cầu.

b) Hạn chế

Một số học sinh chậm, còn ngại nói chưa tích cực hoạt động. Học sinh đạt điểm 9-10 còn hạn chế. Một vài trường chưa có phòng phục vụ dạy Tiếng Anh (phòng lap), dụng cụ giảng dạy còn thiếu.

**5. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục**

a) Những việc làm được

Thực hiện có hiệu quả việc cập nhật thông tin, chỉ đạo, điều hành trên website của Phòng; kết nối, trao đổi dữ liệu điện tử với các cơ quan, trường học qua việc sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (ICT);

Có 100% trường được nối mạng Internet để thuận lợi trong việc giảng dạy và cập nhật thông tin mới. Các trường đã tăng cường đầu tư trang thiết bị cho việc ứng dụng CNTT (máy vi tính, máy in, màn hình chiếu...). Giáo viên có quan tâm soạn giảng bằng giáo án điện tử trong các tiết thao hội giảng, tổ chức các hội thi, sinh hoạt chuyên đề

b) Hạn chế

Việc sử dụng bảng tương tác: Một vài đơn vị chưa khuyến khích rộng rãi giáo viên sử dụng bảng tương tác, chủ yếu tập trung vào giáo viên tiếng Anh sử dụng.

Máy tính của phòng tin học một số trường được cấp khá lâu nên máy hư hỏng nhiều không đủ phục vụ cho công tác dạy và học, kinh phí sửa chữa, bảo trì lớn.

**6. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo**

a) Những việc làm được

Tiếp tục thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy, về biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đơn vị trường học chủ động thực hiện đầy đủ quyền tự chủ được giao; Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chủ động giải trình kết quả thực hiện quyền tự chủ được giao.

Hiện có 32 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT đều thực hiện theo tinh thần của Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Tất cả các đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và giải pháp thực hiện nhằm mục đích tăng thu, tiết kiệm chi và đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động.

Tạo quyền tự chủ, chủ động cho đơn vị trong việc quản lý chi tiêu tài chính; từng bước giảm bớt sự can thiệp của cơ quan quản lý cấp trên; thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện; phân phối tiền lương của đơn vị sự nghiệp đã gắn với hiệu quả, chất lượng công việc thông qua quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Hạn chế

Đội ngũ kế toán của đơn vị sự nghiệp còn thiếu hoặc phải thực hiện chế độ kế toán kiêm nhiệm liên trường ảnh hưởng đến công tác quản lý tài chính đơn vị.

## **7. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

### a) Những việc làm được

Triển khai thực hiện tốt Đề án ngoại ngữ quốc gia nhằm đưa môn ngoại ngữ vào giảng dạy một cách có hệ thống từ cấp tiểu học đến THPT. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, nâng cao trình độ ngôn ngữ và năng lực thực hành các kỹ năng giao tiếp cơ bản cho người học, đáp ứng yêu cầu trong quá trình hội nhập quốc tế. Cùng với đó là trang bị cơ sở vật chất dạy học ngoại ngữ thiết yếu cho các trường phổ thông. Nâng cấp hệ thống thư viện đạt tiêu chuẩn, thư viện tiên tiến, hệ thống máy tính kết nối Internet tạo cơ hội cho học sinh và giáo viên tìm hiểu và tiếp cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

### b) Hạn chế

Trình độ tiếng Anh của nhiều cán bộ, học sinh còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng thành thạo ngoại ngữ như một công cụ để làm việc và giao tiếp hằng ngày.

## **8. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng hoạt động GD và ĐT.**

### a) Những việc làm được

Trên cơ sở quy định về công nhận trường chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với từng cấp học, Phòng GD&ĐT đã tham mưu cho Huyện Ủy, UBND huyện ban hành văn bản triển khai có kết quả những nội dung về việc thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2016-2020. Kinh phí từ đề án hỗ trợ cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia đã được thực hiện và giải ngân đúng tiến độ. UBND huyện bố trí đầy đủ vốn đối ứng của địa phương đảm bảo các dự án được thực hiện.

### b) Hạn chế:

Một số trường đồ dùng đồ chơi ngoài trời hư hỏng không thể sửa chữa được nhưng chưa kịp thời thanh lý.

Việc sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn gặp nhiều khó khăn do thiếu kinh phí.

## **9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao**

### a) Những việc làm được

Quan tâm đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn quy hoạch đảm bảo đủ chuẩn và trên chuẩn trước khi bổ nhiệm chú ý lực lượng trẻ có năng lực và triển vọng. Khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ CBQL, giáo viên tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng hiện đại toàn cầu hóa

### b) Hạn chế

Công tác phân luồng, định hướng giáo dục tiếp cận nghề nghiệp cho học sinh ngay từ cấp THPT để góp phần hình thành đội ngũ nhân lực theo quy mô cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với xu thế phát triển kinh tế, đặc biệt là các ngành mũi nhọn của địa phương còn hạn chế.

## **II. Kết quả thực hiện 05 giải pháp cơ bản**

## **1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về giáo dục và đào tạo**

### a) Những việc làm được

Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường trực thuộc tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong cơ quan.

- Trong học kỳ I năm học 2020-2021, Phòng GD&ĐT đã tiến hành kiểm tra chuyên ngành 07 đơn vị (THCS Thị trấn, THCS Bình Cang, THCS Mỹ Thạnh, TH Thị trấn, TH Mỹ Thạnh, MN Thị trấn, MG Long Thuận); ban hành 07 kết luận kiểm tra đảm bảo đúng tiến độ;

### b) Hạn chế

Việc phối hợp giữa Phòng GD và ĐT với UBND các xã, thị trấn trong huyện trong việc kiểm tra hành chính các cơ sở giáo dục trên địa bàn còn hạn chế.

## **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp**

### a) Những việc làm được

-Thực hiện tốt Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 18/8/2016 của Tỉnh ủy Long An về việc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020-2025 và Công văn số 03/HD/BTCTU ngày 30/8/2016 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025, các đơn vị đã tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định, kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ, tạo nguồn dự bị, kế cận. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, điều động, đúng quy trình, điều kiện và tiêu chuẩn, phát huy tinh thần tập trung dân chủ; đảm bảo nguyên tắc cấp ủy đảng các cấp lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn cán bộ quản lý, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Qua đánh giá, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; đồng thời sử dụng các kết quả đánh giá để sàng lọc, tinh giản biên chế đội ngũ theo quy định.

### b) Hạn chế

Công tác quản lý ở một số đơn vị chưa tốt, chưa phát hiện và xử lý kịp thời những hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo và học sinh

## **3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo**

### a) Những việc làm được

Tham mưu, đề xuất các nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách huyện thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. Trong đó, ưu tiên đầu tư cho cấp mầm non, tiểu học và bảo đảm thiết bị tối thiểu theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa...

Phối hợp với các cấp, các ngành chức năng, Hội Khuyến học trong huyện đã vận động và hỗ trợ nhiều suất học bổng và quà tặng có giá trị cho học sinh<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup> Học kỳ I Năm học 2019-2020: Quỹ vận động XHH trị giá 1.686.477.000 đồng (trong đó tiền mặt 1.220.800.000, hiện vật qui thành tiền 465.877.000 đ).



## b) Hạn chế

- Nguồn lực thu hút đầu tư cho giáo dục chưa cao; mức độ huy động các nguồn lực ở địa phương còn hạn chế.
- Một số đơn vị trường học chưa quan tâm vận động xã hội hóa giáo dục, còn trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của cấp trên.

**4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục**

## a) Những việc làm được

Công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non. Kết quả thực hiện học kỳ I, năm học 2020-2021, cụ thể như sau:

Cấp học	Tổng số trường hiện có	Tổng số trường đủ điều kiện đánh giá ngoài	Đã hoàn thành tự đánh giá		Kết quả tự đánh giá			Đã đánh giá ngoài		
			Số lượng	%	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Số lượng	%
MN	11	11	11	100			8		8	72.7
TH	12	12	12	100			9		9	75
THCS	9	9	9	100			8		8	88,89
Tổng	32	32	32	100			25		25	78.1

## b) Hạn chế

Việc tập hợp các minh chứng cho kiểm định chất lượng giáo dục của một số đơn vị còn chưa đầy đủ (của những năm học trước), công tác lưu trữ hồ sơ chưa chặt chẽ, khoa học nên khó khăn cho việc tập hợp các minh chứng trong kiểm định chất lượng giáo dục.

**5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GD&ĐT**

## a) Những việc làm được

Thường xuyên phối hợp Cấp ủy, UBND các xã, thị trấn giải quyết các vấn đề bức xúc đối với lĩnh vực giáo dục địa phương, kịp thời giải quyết để không tạo ra điểm nóng, tình huống phức tạp về an ninh, trật tự trong trường học. Kịp thời trả lời các kiến nghị của cử tri về lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại các kỳ họp đại biểu HĐND các cấp...

## b) Hạn chế

- Việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng các gương người tốt, việc tốt có nhiều đổi mới, sáng tạo trong dạy và học chưa kịp thời.
- Một số đơn vị chưa chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông hằng năm nên việc triển khai còn hạn chế.

**III. Đánh giá chung****1. Những việc làm được**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tích cực tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện và phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể để quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và tập trung thực hiện các nhiệm vụ năm học.

- Nâng cao tỷ lệ về số xã, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Số thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT, TCCN, tốt nghiệp nghề chiếm tỷ lệ 80,05% và công tác xóa mù chữ đạt chuẩn XMC mức độ 2 góp phần vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn lực của địa phương.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được tăng cường, từng bước đáp ứng nhu cầu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới, từng bước đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ngoại ngữ, tin học và mở rộng thực hiện lớp 2 buổi/ngày, lớp bán trú ở những nơi có điều kiện.

- Công tác đổi mới quản lý có nhiều chuyển biến tích cực; nền nếp, kỷ cương trong trường học tiếp tục duy trì và giữ vững. Các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành tiếp tục được nhân rộng và đạt được nhiều kết quả thiết thực. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được nâng cao về chất lượng, cơ bản đạt chuẩn theo quy định về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm để giảng dạy.

## 2. Hạn chế và nguyên nhân

- Số lượng giáo viên và nhân viên trường học một số nơi vẫn còn tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên các cấp học; việc sắp xếp, bố trí kiêm nhiệm nhân viên trường học thuộc các cấp học chưa hợp lý.

- Công tác tham mưu đề xuất của một số ít hiệu trưởng trường học chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt một số ít còn buông lỏng trong công tác xây dựng nền nếp kỷ cương của đơn vị. Một số ít cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành còn nhiều biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng uy tín và đạo đức nhà giáo.

Biên chế đội ngũ giáo viên mầm non còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên địa bàn.

## Phần II

### NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020- 2021

#### I. Các nhóm nhiệm vụ chủ yếu (Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm)

##### 1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp.

- Tiếp tục rà soát mạng lưới trường, điểm trường trên địa bàn huyện để thực hiện dồn ghép các trường, điểm trường đảm bảo phù hợp, sắp xếp lại lớp học đảm bảo sĩ số/lớp theo quy định; tăng cường đầu tư, phát triển nhanh trường, cụm lớp cho cấp học mầm non; ưu tiên tài chính và quỹ đất để bảo đảm đủ trường, lớp cho học sinh học 2 buổi/ngày nhất là ở vùng khó khăn, trước hết tập trung cho giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học; bảo đảm đủ các phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch.

##### 2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động trong các tổ chức thuộc ngành GD&ĐT theo chủ trương tinh giản biên chế của Nghị quyết số 18-TW/NQ và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trong ngành Giáo dục; rà soát, sắp xếp và bố trí đủ số lượng giáo viên bảo đảm quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục, quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên đối với các cấp học.

- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giáo viên và nhất là chế độ tiền lương nhằm tạo động lực cho giáo viên yên tâm công tác, thu hút học sinh giỏi vào ngành sư phạm.

- Ưu tiên bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp để thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới.

### **3. Đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông.**

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chương trình giáo dục mầm non sau chỉnh sửa; hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non tăng cường điều kiện thực hiện chương trình; thực hiện chương trình hỗ trợ, giáo dục cha mẹ trẻ kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ; xây dựng, triển khai các mô hình phối hợp gia đình - nhà trường - cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục thực hiện hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên ở các nhóm lớp độc lập tự thực.

- Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học đồng bộ với đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo hướng phát triển năng lực học sinh, tiếp cận chương trình GDPT mới.

- Thực hiện hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong các trường THPT; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

### **4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**

- Tăng cường bồi dưỡng năng lực giáo viên các cấp học, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiếng Anh đạt trình độ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phân đầu đến năm 2025: có 100% giáo viên cấp Tiểu học đạt trình độ chuẩn bậc 4 (B2), 100% giáo viên cấp THPT đạt trình độ chuẩn bậc 4 (B2).

- Tăng cường các điều kiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng ứng dụng CNTT, xây dựng hệ thống hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ trực tuyến và trên máy tính cho các cấp học và các trang thiết bị thiết yếu để triển khai hoạt động dạy và học ngoại ngữ đáp ứng mục tiêu đào tạo chung.

### **5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục**

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Đề án 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục triển khai thực Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Long An giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

#### **6. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị trường học.**

- Tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chương trình phát triển nhà trường; thực hiện kế hoạch năm học và kế hoạch ngân sách năm của các trường trực thuộc; thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp; quản lý và sử dụng các khoản thu, chi theo đúng quy định

- Triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở GD&ĐT theo quy định của pháp luật; nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GD&ĐT trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng GD&ĐT.

#### **7. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

- Mở rộng quan hệ trao đổi, học tập kinh nghiệm với các huyện, tỉnh, thành phố trong nước về đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực ngoại ngữ, khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin...

#### **8. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo**

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác từ công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học; xây dựng, cải tạo cảnh quan đạt tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp, an toàn theo qui định; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh thực sự thu hút học sinh đến trường. Quan tâm đầu tư các điều kiện để đảm bảo đủ phòng học để dạy học 2 buổi/ngày, và mở rộng, nâng cao chất lượng lớp bán trú.

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong huyện. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, với mục tiêu ưu tiên các hạng mục công trình: phòng học, thư viện, nhà vệ sinh, công trình nước sạch, nhà ăn...

-Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực tăng cường CSVC cho giáo dục của địa phương; khuyến khích nhà đầu tư trong và ngoài nước đóng góp trong việc xây dựng trường lớp. Mở rộng Quỹ khuyến học, bảo trợ giáo dục, các cá nhân và tổ chức đóng góp cho giáo dục dưới mọi hình thức.

#### **9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao**

- Phân đấu nâng tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2021 đạt 75% theo tiêu chí mới. Ngành sẽ tích cực tham mưu thực hiện lộ trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở cho từng địa phương, từng trường học có kế hoạch cụ thể về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới.

-Nâng cao hiệu quả đào tạo, hạn chế thấp nhất tình trạng học sinh lưu ban, bỏ học, nhất là tỷ lệ bỏ học của cấp tiểu học ở mức dưới 0,05% và cấp THCS ở mức dưới 1%.

- Song song với chất lượng giáo dục đại trà, chú trọng quan tâm đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn, tuyển chọn và chăm lo bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi hằng năm.

## **II. Giải pháp cơ bản (Thực hiện 5 giải pháp)**

### **1. Hoàn thiện thể chế về giáo dục và đào tạo**

- Tăng cường mạnh mẽ công tác kiểm tra, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục. Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kiểm tra hành chính và kiểm tra chuyên ngành ở các cấp học; đẩy mạnh công tác kiểm tra đối với các hoạt động giáo dục; tập trung xử lý dứt điểm những khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài và giải quyết các hiện tượng tiêu cực gây bức xúc xã hội.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh việc thực hiện tự chủ trong các cơ sở GD&ĐT. Tiếp tục làm tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục thông qua việc hoàn thành chỉ tiêu đánh giá và đánh giá ngoài đối với các cơ sở GD&ĐT.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Về việc tăng cường quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo”. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh.

### **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp**

- Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, vị trí việc làm phù hợp; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao; đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm, đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đủ năng lực, phẩm chất và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Phối hợp tốt với UBND các địa phương, các ngành liên quan, Hội Cựu giáo chức các cấp, Hội Khuyến học các cấp để phát huy vai trò của Phòng GD&ĐT trong việc tham mưu các quy định liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển GD&ĐT phù hợp điều kiện phát triển KT-XH địa phương.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của huyện.

### **3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Long An.

- Tham mưu, đề xuất các nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách huyện thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. Trong đó, ưu tiên đầu tư cho cấp mầm non, tiểu học và bảo đảm thiết bị tối thiểu theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

### **4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục**

Đẩy mạnh kiểm định chất lượng các cơ sở GD&ĐT, trên cơ sở đó phân tầng, xếp hạng, quy hoạch lại mạng lưới, giao quyền tự chủ và nâng cao hiệu quả đầu tư; tăng cường công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài, cải tiến nâng cao chất lượng GD&ĐT.

### **5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các định hướng và nhiệm vụ chủ yếu của ngành về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tới các cơ sở giáo dục, đào tạo, giáo viên và học sinh.

- Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội về các hoạt động của ngành. Chủ động và xử lý kịp thời các điểm nóng xảy ra tại trường học. Kịp thời trả lời ý kiến của đại biểu, cử tri liên quan đến lĩnh vực GD&ĐT; nâng cao chất lượng phục vụ thông qua hộp thư góp ý và đường dây nóng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2020-2021 và phương hướng, nhiệm vụ học kỳ II của ngành GD&ĐT huyện Thủ Thừa./.

***Nơi nhận:***

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- UBND huyện (báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Phòng;
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Phạm Quốc Tuấn**

Biểu 1

Mạng lưới trường, lớp, học sinh của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2019 - 2020  
(số liệu kỳ báo cáo cuối năm học 2019-2020)

TT	Cấp học	Trường			Lớp			Học sinh		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập
	Tổng số	32	32							
1	Mầm non	11	11		122	98	24	3365	2819	546
	+ Nhà trẻ				12	2	10	207	45	162
	+ Mẫu giáo	9	9		110	96	14	3158	2774	384
	+ Mầm non:	2	2							
2	Tiểu học	12	12		237	237		7009	7009	
3	THCS (*)	9	9		150	150		5686	5686	

Biểu 2

Thống kê tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên  
(Số liệu kỳ báo cáo thống kê HKI Năm học 2020-2021)

TT	Đơn vị THỦ THỪA	CBQL					Giáo viên				Nhân viên					Ghi chú
		Tổng số	MN	TH	THCS	PGD	TS	MN	TH	THCS	TS	MN	TH	THCS	PGD	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>77</b>	<b>26</b>	<b>31</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>833</b>	<b>204</b>	<b>360</b>	<b>269</b>	<b>58</b>	<b>14</b>	<b>24</b>	<b>16</b>	<b>4</b>	
	Tăng,giảm (so với năm học trước)	-2	-1	-1			+29	+3	+10	+16	+1	0	0	+1	0	

Biểu 3

**SỐ LƯỢNG VÀ TỈ LỆ HỌC SINH BỎ HỌC**  
(Số liệu kỳ báo cáo thống kê HKI Năm học 2020-2021)

Stt	Cấp học	Năm học 2019 - 2020			Năm học 2020 - 2021		
		(Tính đến 10/01/2020)			(Tính đến 10/01/2021)		
		Tổng số HS đầu năm	Số HS bỏ học	Tỷ lệ (%)	Tổng số HS đầu năm	Số HS bỏ học	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng, tỷ lệ						
1	Cấp tiểu học	7136	12	0,16	7011	01	0,01
2	Cấp THCS	5477	43	0,78	5686	24	0,42



**Biểu 4**  
**TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC HUYỆN THỦ THỪA**  
**Kết quả môn Toán, Tiếng Việt**

TT	Trường	Toán						Tiếng việt					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiểu học Thị Trấn	567	65.63%	278	32.18	19	2.19%	565	65.39%	289	33.46%	10	1.15%
2	TH&THCS Tân Thành	138	49.46%	138	49.46%	3	1.08%	135	48.38%	139	49.83%	5	1.79%
3	Tiểu học Tân Lập	43	37.06	71	61.20	2	1.74	63	54.31	52	44.82	1	0.87
4	Tiểu học Nhà Dài	139	49.5	133	47.3	9	3.2	131	46.6	139	49.5	11	3.9
5	Tiểu học Mỹ Thạnh	204	56.2	156	43.0	3	0.8	157	43.3	197	54.3	9	2.4
6	Tiểu học Mỹ Phú	239	60.97	151	38.52	2	0.51	213	54.33	176	44.90	3	0.77
7	Tiểu học Mỹ Lạc	284	50.5	274	48.8	4	0.7	285	50.7	258	45.9	19	3.4
8	Tiểu học Mỹ An	322	60.9%	204	38.6	3	0.5	304	57.5	221	41.8	4	0.7
9	Tiểu học Long Thuận	124		134		1		123		135		1	
10	Tiểu học Long Thạnh	128	43.7%	162	55.3%	3	1.02%	146	49.32%	140	47.8%	7	2.4%
11	Tiểu học Bình Thạnh	483	71.30%	190	28.10%	4	0.60%	475	70.10%	196	29%	6	0.90%
12	Tiểu học Bình An	191	63.7	107	35.7	2	0.6	175	58.3	121	40.3	4	1.3
13	Tiểu Học Nhị Thành	545	71.2	215	28.1	5	0.7	487	63.7	269	35.2	9	1.2
	<b>Cộng</b>	<b>3,407</b>	<b>48,7</b>	<b>2,213</b>	<b>31,6</b>	<b>60</b>	<b>0,9</b>	<b>3,259</b>	<b>46,5</b>	<b>2,332</b>	<b>33,3</b>	<b>89</b>	<b>1,3</b>

**Biểu 5**  
**TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC HUYỆN THỦ THỪA**  
**Kết quả về năng lực**

T T	Tỉnh/TP	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiểu học Thị Trấn	688	79.6%	175	20.3%	1	0.1%	681	78.8%	182	21.1%	1	0.1%	688	79.6%	175	20.3%	1	0.1%
2	TH&THCS Tân Thành	130	46.6%	149	53.4%	0	0.00%	131	46.96%	148	53.04%	0	0.00%	129	46.24%	150	53.76%	0	0.00%
3	Tiểu học Tân Lập	87	75.0%	29	25.0%			70	60.34%	46	39.66%			68	58.62%	47	40.51%	1	0.87%
4	Tiểu học Nhà Dài	251	89.3%	30	10.7%	0	0.00%	246	87.5%	35	12.5%		0.00%	236	84.00%	45	16.00%	0	0.00%
5	Tiểu học Mỹ Thanh	191	52.6	172	47.4			181	49.9	182	50.1			178	49.0	185	51.0		
6	Tiểu học Mỹ Phú	267	68.11%	125	31.89%			263	67.09%	129	32.91%			262	66.84%	130	33.16%		
7	Tiểu học Mỹ Lạc	463	82.4%	98	17.4%	1	0.2%	470	83.6%	91	16.2%	1	0.2%	447	79.5%	114	20.3%	1	0.2%
8	Tiểu học Mỹ An	398	75.2%	131	24.8%			393	74.3%	136	25.7%			394	74.5%	135	25.5%		
9	Tiểu học Long Thuận	149	57.53%	110	42.47%			149	57.53%	110	42.47%			149	57.53%	110	42.47%		
10	Tiểu học Long Thạnh	140	47.8%	153	52.2%			137	46.8%	156	53.2%			139	47.4%	154	52.6%		
11	Tiểu học Bình Thạnh	483	71.30%	194	28.70%			483	71.30%	194	28.70%			483	71.30%	194	28.70%		
12	Tiểu học Bình An	268	89.3%	32	10.7%			268	89.3%	32	10.7%			255	85.0%	45	15.00%		
13	Tiểu học Nhị Thành	477	62.4%	288	37.6%			477	62.4%	288	37.6%			476	62.2%	289	37.8%		
	<b>Cộng</b>	<b>3,992</b>	<b>70.28 %</b>	<b>1,686</b>	<b>29.68 %</b>	<b>2</b>	<b>0.04 %</b>	<b>3,949</b>	<b>69.52 %</b>	<b>1,729</b>	<b>30.44 %</b>	<b>2</b>	<b>0.04 %</b>	<b>3,904</b>	<b>68.73 %</b>	<b>1,773</b>	<b>31.21 %</b>	<b>3</b>	<b>0.05 %</b>

**Biểu 6**  
**TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC HUYỆN THỦ THỪA**  
**Kết quả về phẩm chất**

TT	Trường	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiểu học Thị Trấn	690	79.86%	173	20.02%	1	0.12%	699	80.90%	164	18.98%	1	0.12%
2	TH&THCS Tân Thành	129	46.24%	150	53.76%	0	0.00%	133	47.67%	146	52.33%	0	0.00%
3	Tiểu học Tân Lập	78	67.24%	38	32.76%			74	63.79%	42	36.21%		
4	Tiểu học Nhà Dài	235	83.6%	46	16.4%	0	0.00%	239	85.1%	42	14.9%	0	0.00%
5	Tiểu học Mỹ Thạnh	188	51.8%	175	48.2%			180	49.6%	183	50.4%		
6	Tiểu học Mỹ Phú	262	66.84%	130	33.16%			264	67.35%	128	32.65%		
7	Tiểu học Mỹ Lạc	463	82.4%	98	17.4%	1	0.2%	482	85.8	79	14.0	1	0.2
8	Tiểu học Mỹ An	392	74.1%	137	25.9%			395	74.7%	134	25.3%		
9	Tiểu học Long Thuận	149	57.53%	110	42.47%			149	57.53%	110	42.47%		
10	Tiểu học Long Thạnh	136	46.4%	157	53.6%			135	46.1%	158	53.9%		
11	Tiểu học Bình Thạnh	483	71.30%	194	28.70%			483	71.3%	194	28.70%		
12	Tiểu học Bình An	252	84.00%	48	16.00%			265	88.3%	35	11.7%		
13	Tiểu học Nhị Thành	470	61.4%	295	38.6%			477	62.4%	288	37.6%		
	<b>Cộng</b>	<b>3927</b>	<b>69.14%</b>	<b>1751</b>	<b>30.83%</b>	<b>2</b>	<b>0.04%</b>	<b>3975</b>	<b>69.98%</b>	<b>1703</b>	<b>29.98%</b>	<b>2</b>	<b>0.04%</b>

TT	Tỉnh/TP	Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ

1	Tiểu học Thị Trấn	707	81.83%	156	18.05%	1	0.12%	717	82.99%	146	16.89%	1	0.12%
2	TH&THCS Tân Thành	130	46.6%	149	53.4%	0	0.00%	135	48.38%	144	51.62%	0	0.00%
3	Tiểu học Tân Lập	88	75.86%	28	24.14%			100	86.20%	16	13.80%		
4	Tiểu học Nhà Dài	244	86.8%	37	13.2%	0	0.00%	251	89.3%	30		0	0.00%
5	Tiểu học Mỹ Thạnh	192	52.9%	171	47.1%			194	53.4%	169	46.6%		
6	Tiểu học Mỹ Phú	264	67.35%	128	32.65%			268	68.37%	124	31.63%		
7	Tiểu học Mỹ Lạc	502	89.3%	59	10.5%	1	0.2%	512	91.1%	49	8.7%	1	0.2%
8	Tiểu học Mỹ An	403	76.2	126	23.8	0		408	77.1	121	22.9%	0	
9	Tiểu học Long Thuận	149	57.53%	110	42.47%			149	57.53%	110	42.47%		
10	Tiểu học Long Thạnh	135	46,1	158	53,9			137	46,8	156	53,2		
11	Tiểu học Bình Thạnh	483	71.30%	194	28.70%			483	71.30%	194	28.70%		
12	Tiểu học Bình An	268	89.3%	32	10.7%			280	93.3%	20	6.7%		
13	Tiểu học Nhị Thành	484	63.3%	281	36.7%			488	63.8%	277	36.2%		
	<b>Cộng</b>	<b>4049</b>	<b>71.29%</b>	<b>1629</b>	<b>28.68%</b>	<b>2</b>	<b>0.04%</b>	<b>4122</b>	<b>72.57%</b>	<b>1556</b>	<b>27.39%</b>	<b>2</b>	<b>0.04%</b>

**KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM HKI \_ BẬC THCS - NĂM HỌC: 2020-2021**

Lớp	Tổng số HS	Hạnh kiểm								Học lực									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	1,562	1,410	90.27	144	9.22	8	0.51	0	0.00	681	43.60	380	24.33	325	20.81	131	8.39	45	2.88
7	1,447	1,147	79.27	244	16.86	54	3.73	2	0.14	515	35.59	406	27.99	336	23.22	153	10.57	38	2.63
8	1,399	1,080	77.20	252	18.01	57	4.07	10	0.71	413	29.52	374	26.73	348	24.87	232	16.58	32	2.29
9	1,235	1,012	81.94	189	15.30	30	2.43	4	0.32	362	29.31	433	35.06	352	28.50	79	6.40	8	0.65
<b>Cộng</b>	<b>5,643</b>	<b>4,649</b>	<b>82.39</b>	<b>829</b>	<b>14.69</b>	<b>149</b>	<b>2.64</b>	<b>16</b>	<b>0.28</b>	<b>1,971</b>	<b>34.93</b>	<b>1,593</b>	<b>28.23</b>	<b>1,361</b>	<b>24.12</b>	<b>595</b>	<b>10.54</b>	<b>123</b>	<b>2.18</b>